

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19** /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2018
V/v “Hôn nhân và gia đình, ly
hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp;

Bà Dương Thị Thúy Duyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 583/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 604/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 22/2017/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018; Thông báo mở lại phiên tòa số: 16/2018/TB-TA ngày 24 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1987; Cư trú: Tổ 08, ấp V, xã VL, huyện A, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trần Văn P, sinh năm 1984; Cư trú: Tổ 02, ấp V, xã VL, huyện A, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội - Do ông Lê Hải D, Giám đốc Phòng giao dịch huyện A, tỉnh An Giang làm đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền thường xuyên ngày 16/04/2012).

Tại phiên tòa, bà Đ có mặt, ông P, ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của của bà Nguyễn Thị Hồng Đ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đ và ông Trần Văn P do tìm hiểu yêu thương được gia đình đồng ý tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VL cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng năm 2013-

2014, lúc bà Đ mang thai thì ông P lạnh nhạt, thiếu quan tâm chăm lo gia đình. Ngoài ra, ông P còn có quan hệ với người phụ nữ khác... nên xảy ra mâu thuẫn. Hai người đã ly thân từ năm 2014. Do tình cảm vợ chồng không còn, nên bà Đ xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/9/2014 hiện đang do bà Đ nuôi dạy. Bà Đ có nguyện vọng được nuôi cháu Hân sau ly hôn và không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đ, ông P có vay tại Ngân hàng Chính sách Xã hội – Phòng giao dịch A số tiền 22.000.000 đồng. Bà Đ nhận tự trả nợ.

Các lần Tòa án triệu tập để hòa giải nhưng ông P đều vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận được ý kiến của ông P và không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã thông báo kết quả công khai chứng cứ.

Về chứng cứ: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ cung cấp Giấy chứng minh nhân dân; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh con chung. Theo yêu cầu của bà Đ, Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú, tình trạng hôn nhân và điều kiện nuôi con.

Ngân hàng Chính sách Xã hội cung cấp hợp đồng vay; Tờ tường trình và đơn xin không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, bà Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu, không trình bày ý kiến bổ sung và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Văn P nhưng ông P vắng mặt lần thứ hai không lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin không tham gia phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và nguyện vọng được nuôi con sau ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, thông báo công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo việc mở lại phiên tòa nhưng ông P đều không có mặt. Căn cứ vào các biên bản xác minh tại Công an xã VL; trình bày của ông Bùi Phương Đ thể hiện ông Trần Văn P vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương thuộc ấp V, xã VL, huyện A, tỉnh An Giang. Ông P cũng biết việc bà Đ xin ly hôn nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án. Điều này cho thấy ông P đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng; đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách Xã hội có đơn xin không tham gia phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: Hôn nhân giữa bà Đ với ông P có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VL cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/05/2006. Đây là hôn

nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Ông P cư trú xã VL, huyện A, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Đ được Tòa án nhân dân huyện A thụ lý giải quyết phù hợp với quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều 29, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Về quan hệ tình cảm: Nguyên nhân bà Đ xin ly hôn với ông P là do ông P lạnh nhạt trong tình cảm, ăn chơi không chăm lo cuộc sống gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác. Theo trình bày của ông Bùi Phương Đ, bà Nguyễn Thị K, bà Bùi Thị H, xác định lời trình bày của bà Đ là có căn cứ. Xét mâu thuẫn giữa bà Đ với ông P đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ.

Về quan hệ con chung: Bà Đ và ông P có 01 con chung tên Trần Nguyễn Gia H. Qua xác minh thu thập chứng cứ được biết bà Đ đang trực tiếp nuôi cháu H, có thu nhập ổn định. Cháu H còn nhỏ nên cũng cần sự nuôi dạy của mẹ. Do đó, nên chấp nhận nguyện vọng của bà Đ về việc được tiếp tục nuôi dạy cháu H sau ly hôn sẽ đảm bảo quyền và lợi ích cho cháu H.

Công nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Tuy nhiên, bà Đ cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Việc nuôi con không cố định sẽ có thay đổi khi có yêu cầu chính đáng của ông P hoặc cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ.

Về tài sản chung: Do bà Đ không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Đ có nhận vay tại Ngân hàng chính sách Xã hội – Phòng giao dịch huyện A số tiền 22.000.000 đồng. Bà Đ nhận đây là nợ cá nhân và xin tự trả. Tuy nhiên, do Ngân hàng không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Khi nào Ngân hàng chính sách Xã hội có yêu cầu thì thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Bà Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Trần Văn P.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được nuôi cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 02 tháng 09 năm 2014 sau ly hôn. Công nhận sự tự nguyện của bà Đ về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí mà bà Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010839 ngày 10/10/2017.

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/01/2018). Ông Trần Văn P và Ngân Ngân hàng chính sách Xã hội có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện A (1);
- THADS huyện A (1);
- Các đương sự (3);
- HSVA;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Sáu